TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1106/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Đào.**

2. Bà **Lê Thị Kim Anh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Châu Nguyễn Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 701/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: C2/54 tổ 2, ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Dương Thị Thu H, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: B5/139 ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2019, bản tự khai ngày 23/7/2019 ông Nguyễn Tấn T trình bày: Ông và bà Dương Thị Thu H bắt đầu chung sống vào năm 2011, do hai bên tự nguyện đến với nhau và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh vào ngày 20/3/2012. Hai bên chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị Thu H.

Về con chung: Ông T khai ông và bà H có với nhau có 02 con chung tên là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày: 02/11/2012 và Nguyễn Hà V (nữ) sinh ngày: 25/11/2015 hiện nay đang sống với bà H. Khi ly hôn, ông T yêu cầu giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng cho con;

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Ngày 24/9/2019 ông T có nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc không có thời gian đến Tòa và được Tòa án chấp nhận.

Bà Dương Thị Thu H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tuy nhiên tại bản tự khai gửi cho Tòa án ngày 20/9/2019 bà H trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Tấn T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2012. Do hai bên tự nguyện đến với nhau và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh vào ngày 20/3/2012. Hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng vì không hợp tính tình với mẹ và em chồng nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà H đã về nhà cha mẹ ruột ở cùng với chồng và con. Đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, có người phụ nữ khác. Ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ cấp nuôi con, công khai sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác. Ông bà thường xuyên cãi nhau và đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống, ông T nộp đơn xin ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Bà H khai bà và ông T có với nhau có 02 con chung tên là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày: 02/11/2012 và Nguyễn Hà V (nữ) sinh ngày: 25/11/2015 hiện nay đang sống với bà H. Khi ly hôn, bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Và lý do bận việc lo con nhỏ nên bà xin vắng mặt trong các buổi làm việc, trong các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn T đối với bà Dương Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tấn T nộp đơn xin ly hôn đối với bà Dương Thị Thu H. Bà Dương Thị Thu H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Dương Thị Thu H và ông Nguyễn Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 15/10/2019 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Thị Thu H và ông Nguyễn Tấn T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn T và bà Dương Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Ông T và bà H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến nay nên khi ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H thì bà H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của các đương sự thì giữa ông T và bà H bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện ông bà đã sống ly thân, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Trong quá trình hòa giải tại Tòa bà H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tấn T với bà Dương Thị Thu H.

[5] Về con chung: Ông Nguyễn Tấn T và bà Dương Thị Thu H có 02 con chung tên là Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày: 02/11/2012 và Nguyễn Hà V (nữ) sinh ngày: 25/11/2015. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu giao hai con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng cho con. Bà H đồng ý với ý kiến của ông T, sau khi ly hôn bà H sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Hiện trẻ Tường V và Hà V đang sống chung với bà H, bà H là người chăm sóc tốt trẻ Tường V và Hà V, đồng thời ý kiến của trẻ Tường Tường V nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ Tường V muốn sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày: 02/11/2012 và Nguyễn Hà V (nữ) sinh ngày: 25/11/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi bà H có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tấn T và bà Dương Thị Thu H xác nhận không có.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84,116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn T với bà Dương Thị Thu H.

Ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Dương Thị Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 211 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/3/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai trẻ Nguyễn Tường V (nữ) sinh ngày: 02/11/2012 và Nguyễn Hà V (nữ) sinh ngày: 25/11/2015 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với ông T cho đến khi bà H có yêu cầu.

Ông Nguyễn Tấn T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tấn T và bà Dương Thị Thu H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn T chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002439 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Sơn

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS.HBC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.